

QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

ÂU THỊ DIỆU LINH
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh,
Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 26/02/2026. Duyệt đăng 17/03/2026.

Abstract

Corporate governance is a core element in maintaining the sustainable development of businesses and the national economy. In Vietnam, although the legal system related to corporate governance has made significant progress, many issues still need to be addressed in order to improve the efficiency and transparency of corporate management. This article examines, evaluates, and proposes solutions to improve the law on corporate governance so as to meet the requirements of economic development, international integration, and the protection of stakeholders' rights in the modern business environment.

Keywords: Corporate governance of joint-stock companies, Enterprise Law, governance, joint-stock company, OECD.

1. Đặt vấn đề

Trong hơn ba thập kỷ, pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam đã dần được hoàn thiện, gắn liền với cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế. Từ Luật Công ty 1990 đến các Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán sau này, hệ thống pháp lý đã tiếp cận các chuẩn mực quản trị quốc tế của OECD. Tuy nhiên, các quy định ban đầu còn đơn giản và thiếu sự phản ánh đầy đủ các mối quan hệ phức tạp trong quản trị công ty. Các luật như Luật Doanh nghiệp 1999, 2005 và Luật Chứng khoán 2006 đã cải thiện các quy định về quyền cổ đông, cơ cấu tổ chức và công bố thông tin nhưng thực tế áp dụng vẫn gặp khó khăn, thiếu cơ chế thực thi mạnh mẽ, đặc biệt trong việc bảo vệ tính độc lập của Hội đồng quản trị (HĐQT) và giám sát từ Ban kiểm soát (BKS). Với Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi 2025 và Luật Chứng khoán 2019, nhiều cải tiến đã được đưa ra như quy định về thành viên HĐQT độc lập, Ủy ban kiểm toán, mở rộng quyền của cổ đông nhỏ và tăng cường minh bạch thông tin, giao dịch với bên liên quan. Mặc dù vậy vẫn còn một khoảng cách lớn trong việc thực thi các quy định, đặc biệt là sự thiếu rõ ràng trong phân biệt giữa công ty đại chúng và phi đại chúng và cơ chế thực thi chưa mạnh mẽ để tạo sự khác biệt trong quản trị công ty.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định pháp luật về quản trị công ty cổ phần

Quản trị công ty cổ phần (QTCTCP) là một hệ thống phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý và các bộ phận trong công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích của cổ đông và các bên liên quan, bao gồm các nội dung: Quyền của cổ đông và cơ chế bảo vệ cổ đông, về Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc (GD/TGĐ) và BKS, Công ty cần đảm bảo minh bạch thông tin tài chính và hoạt động để cổ đông có thể giám sát hiệu quả.

2.1.1. Quy định về quyền cổ đông và cơ chế bảo vệ cổ đông

Quyền lợi và cơ chế bảo vệ cổ đông là yếu tố cốt lõi trong quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam, được quy định chủ yếu trong Luật Doanh nghiệp 2020 sửa đổi 2025 (Luật Doanh nghiệp) và Luật Chứng khoán

Email: dieulinh2710@gmail.com

2019. Điều 115 của Luật Doanh nghiệp đảm bảo quyền của cổ đông phổ thông, trong khi Điều 140 quy định quyền kiểm tra sổ cổ đông và các giao dịch quan trọng. Đặc biệt, Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC yêu cầu công ty đại chúng công bố đầy đủ thông tin tài chính và các nghị quyết liên quan đến quyền lợi của cổ đông, tạo bước tiến lớn so với trước đây khi quyền tiếp cận thông tin còn hạn chế. Một thay đổi quan trọng là cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số, khi tỷ lệ sở hữu để yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ đã giảm từ 10% xuống còn 1%. Ngoài ra, cơ chế bầu dồn phiếu và yêu cầu thành viên HĐQT độc lập cũng giúp bảo vệ cổ đông nhỏ. Những quy định này tiệm cận chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong việc bảo vệ cổ đông thiểu số và minh bạch thông tin. Tuy nhiên, cơ chế bảo vệ cổ đông thiểu số vẫn còn hạn chế. Thủ tục yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ vẫn mang tính hình thức và quyền tiếp cận thông tin của cổ đông chưa được quy định chi tiết. Cơ chế khởi kiện trách nhiệm của thành viên HĐQT/GĐ/TGĐ ít được áp dụng do thủ tục phức tạp và chi phí cao. Đặc biệt, tại các công ty phi đại chúng, cổ đông nhỏ hầu như không có quyền lực, vì quản trị công ty thường bị chi phối bởi nhóm cổ đông sáng lập hoặc gia đình trị.

2.1.2. Quy định về Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty cổ phần, có thẩm quyền quyết định những vấn đề quan trọng như chiến lược phát triển, sửa đổi điều lệ, bầu cử HĐQT, phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận. Theo Luật Doanh nghiệp, ĐHĐCĐ giúp cổ đông thực thi quyền kiểm soát tập thể. Luật Doanh nghiệp yêu cầu ĐHĐCĐ phải tổ chức thường niên ít nhất một lần và cho phép cổ đông sở hữu từ 1% cổ phần yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ, thay vì 10% như trước [7, điều 138]. Các quy định về tỷ lệ tham gia cuộc họp và biểu quyết đã được điều chỉnh để đảm bảo tính hợp pháp và công bằng. Tại Điều 144 cũng bổ sung hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử để cổ đông có thể tham gia dù ở xa. Công ty đại chúng phải công khai tài liệu họp và kết quả biểu quyết, tăng cường tính minh bạch. Các quy định này tiệm cận chuẩn mực quốc tế của OECD về quyền tham gia và bình đẳng của cổ đông. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, như thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ còn phức tạp, thiếu chế tài đối với việc trì hoãn yêu cầu triệu tập của HĐQT và tỷ lệ biểu quyết 65% cho các quyết định quan trọng có thể khiến cổ đông chi phối nắm quyền quyết định tuyệt đối. Quy định về họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thiếu hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật và an toàn, dẫn đến khó triển khai hiệu quả. Công ty phi đại chúng vẫn phổ biến tình trạng không tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hoặc chỉ tổ chức hình thức, thiếu cơ chế cưỡng chế đủ mạnh để xử lý vấn đề này.

2.1.3. Quy định về Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đóng vai trò là cơ quan quản lý trung tâm trong công ty cổ phần, có nhiệm vụ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Điều 153 Luật Doanh nghiệp quy định rằng HĐQT có quyền quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm và giám sát GĐ/TGĐ cùng với giám sát hoạt động tài chính và quản lý rủi ro. OECD (2023) coi HĐQT là “xương sống” của hệ thống quản trị, có trách nhiệm đại diện cho cổ đông, định hướng và giám sát toàn bộ hoạt động điều hành của công ty [5]. Theo Luật Doanh nghiệp, HĐQT có từ 3 đến 11 thành viên, được bầu bởi ĐHĐCĐ, với nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại [7, điều 154]. Luật cũng quy định rõ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT, yêu cầu có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp và phải có trình độ và kinh nghiệm quản lý [7, điều 155, 156]. Đặc biệt, đối với công ty đại chúng, Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Luật Chứng khoán 2019 yêu cầu ít nhất 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập - điều này bảo đảm tính khách quan và hạn chế sự chi phối của cổ đông lớn đối với các quyết định quan trọng. Bên cạnh đó, công ty niêm yết phải thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, với thành viên độc lập phụ trách nhằm tăng cường tính khách quan trong giám sát tài chính giúp tăng cường giám sát tài chính và quản lý rủi ro. Luật Doanh nghiệp cũng quy định cơ chế bầu dồn phiếu khi bầu thành viên HĐQT, giúp cổ đông thiểu số có thể có đại diện trong cơ quan này, giúp họ có tiếng nói trong các quyết định quan trọng [7, điều 160]; Quy định trách nhiệm pháp lý đối với thành viên HĐQT nếu vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trung thành, qua đó nâng cao tính ràng buộc pháp lý đối với người quản lý [7, điều 165]. Những thay đổi này thể hiện sự chuyển mình từ mô hình HĐQT phục vụ cổ đông lớn sang mô hình HĐQT đại diện cho lợi ích chung của tất cả cổ đông,

phù hợp với chuẩn mực quốc tế của OECD. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong việc thực thi các quy định về HĐQT như: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT vẫn còn chung chung, thiếu yêu cầu cụ thể về trình độ, kỹ năng quản trị và kinh nghiệm độc lập; Tính độc lập của thành viên HĐQT độc lập còn mang tính hình thức. Trong một số trường hợp, thành viên độc lập vẫn có mối quan hệ lợi ích với cổ đông chi phối, làm giảm hiệu quả giám sát; Ủy ban kiểm toán mới chỉ được hình thành ở một số công ty niêm yết và thiếu hướng dẫn chi tiết về vận hành, khiến nó có thể chỉ mang tính hình thức; Tình trạng kiêm nhiệm chức vụ như chủ tịch HĐQT kiêm GĐ/TGĐ vẫn khá phổ biến, gây mơ hồ trong ranh giới giữa quản trị và điều hành, dẫn đến xung đột lợi ích; Chế tài xử lý đối với thành viên HĐQT vi phạm trách nhiệm chưa đủ mạnh, khiến các vụ kiện về trách nhiệm dân sự hiếm khi xảy ra trên thực tế.

2.1.4. Pháp luật về Giám đốc và Tổng Giám đốc của công ty cổ phần

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty cổ phần và báo cáo trực tiếp trước Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ về việc thực hiện các nghị quyết đã được thông qua. Theo Điều 162 đến 164 Luật Doanh nghiệp, GĐ/TGĐ có các quyền cơ bản bao gồm: Tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐQT; Quyết định các vấn đề kinh doanh hàng ngày của công ty; Bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp dưới; Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; Đề xuất phương án tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển của công ty; Báo cáo hoạt động trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Quy định trách nhiệm cá nhân của GĐ/TGĐ khi vi phạm các nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trung thành, gây thiệt hại cho công ty [7, điều 165]. Đối với công ty niêm yết, Điều 12 Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC yêu cầu công ty công khai thông tin về lý lịch, thù lao, lợi ích và các giao dịch liên quan đến GĐ/TGĐ nhằm gia tăng tính minh bạch. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng trong việc quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của GĐ/TGĐ, đặc biệt là trong việc minh bạch hóa thông tin và tăng trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, còn một số hạn chế trong việc thực thi các quy định này, đặc biệt là về kiểm soát xung đột lợi ích, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và sự phân định rõ ràng giữa quản trị và điều hành. Những vấn đề này cần tiếp tục được cải thiện để nâng cao hiệu quả quản trị công ty.

2.1.5. Quy định về BKS và Ủy ban kiểm toán

BKS hoặc Ủy ban kiểm toán (UBKT) là bộ phận giám sát quan trọng trong công tác quản trị công ty cổ phần. Trong mô hình truyền thống, BKS hoạt động độc lập với HĐQT và có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong việc quản lý và điều hành công ty. Tuy nhiên, đối với công ty niêm yết, pháp luật đã thay thế BKS bằng UBKT trực thuộc HĐQT, tập trung vào giám sát tài chính, công bố thông tin và quản lý rủi ro. Điều 168-170 Luật Doanh nghiệp quy định rõ cơ cấu, tiêu chuẩn và quyền hạn của BKS, trong khi Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Luật Chứng khoán 2019 yêu cầu công ty niêm yết phải thành lập UBKT trực thuộc HĐQT, với phần lớn thành viên là các thành viên độc lập của HĐQT. OECD (2023) nhấn mạnh vai trò quan trọng của cơ quan giám sát trong việc bảo vệ cổ đông thiểu số và bảo đảm tính minh bạch của công ty [5]. Theo Luật Doanh nghiệp, các công ty cổ phần có hơn 11 cổ đông hoặc cổ đông tổ chức sở hữu trên 50% vốn điều lệ phải thành lập BKS. BKS có quyền thẩm định báo cáo tài chính, kiểm tra hoạt động quản trị và điều hành, yêu cầu cung cấp thông tin và báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ [7, điều 168]. Thành viên BKS có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và không được đồng thời là thành viên HĐQT hoặc GĐ/TGĐ để đảm bảo tính độc lập trong giám sát. Đối với công ty niêm yết, Luật Doanh nghiệp yêu cầu UBKT trực thuộc HĐQT, với ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán và kiểm toán [7, điều 137]. Bên cạnh đó, công ty đại chúng phải công khai các thông tin về hoạt động của UBKT theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, giúp cổ đông có thể giám sát hiệu quả hoạt động của UBKT.

Tuy đã có những bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện cơ chế giám sát nội bộ, đặc biệt là việc chuyển từ mô hình BKS sang UBKT trong công ty niêm yết nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở các công ty phi đại chúng.

2.1.6. Quy định về công bố và minh bạch thông tin

Công bố thông tin và minh bạch là yếu tố then chốt trong quản trị công ty hiện đại, giúp giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin và nâng cao lòng tin của cổ đông cũng như nhà đầu tư. OECD khẳng định

rằng công ty cần phải công khai đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động quản trị, quyền lợi cổ đông và các yếu tố phi tài chính có ảnh hưởng đến phát triển bền vững (ESG) [5]. Tại Việt Nam, cơ chế công bố thông tin được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Theo Điều 176-177 Luật Doanh nghiệp, công ty cổ phần phải lưu trữ và cung cấp cho cổ đông các tài liệu quản trị cơ bản, bao gồm điều lệ công ty, biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và báo cáo tài chính hàng năm. Đối với các công ty đại chúng, Điều 8-13 Luật Chứng khoán 2019 và Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định các nghĩa vụ công bố thông tin chia thành ba nhóm chính: Công bố định kỳ; Công bố bất thường; Công bố theo yêu cầu. Đặc biệt đối với công ty niêm yết, nghĩa vụ công bố thông tin còn bao gồm báo cáo về thù lao, lợi ích của các thành viên HĐQT và GD/TGD cũng như các giao dịch có thể ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông. Đây là sự mở rộng đáng kể so với trước đây, giúp tăng cường tính minh bạch trong quản trị công ty. Như vậy, trong việc thiết lập nghĩa vụ công bố thông tin và bảo đảm tính minh bạch, đặc biệt là đối với công ty niêm yết pháp luật Việt Nam đã có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, việc thực thi các quy định này vẫn còn gặp phải một số hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là siết chặt chế tài xử phạt, nâng chuẩn công bố thông tin theo thông lệ quốc tế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, giúp cổ đông và nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin.

2.1.7. Quy định về giao dịch với bên liên quan và kiểm soát xung đột lợi ích

Giao dịch với bên liên quan là một vấn đề nhạy cảm trong quản trị công ty cổ phần, bởi đây là lĩnh vực dễ phát sinh rủi ro tư lợi và có thể dẫn đến tình trạng “rút ruột” công ty. OECD (2023) coi việc kiểm soát các giao dịch này là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng quản trị công ty, bởi nếu không có cơ chế giám sát chặt chẽ, cổ đông chi phối có thể lợi dụng quyền lực, gây thiệt hại cho cổ đông nhỏ [5]. Do đó, pháp luật Việt Nam đã xây dựng các quy định nhằm phê chuẩn, công khai và hạn chế quyền biểu quyết của những người có lợi ích liên quan, đảm bảo tính công bằng và minh bạch. Theo Luật Doanh nghiệp, các hợp đồng và giao dịch giữa công ty và các thành viên HĐQT, BKS, GD/TGD, cổ đông lớn (sở hữu từ 10% vốn trở lên) và các bên có liên quan phải được phê duyệt bởi HĐQT hoặc ĐHĐCĐ, tùy theo giá trị giao dịch điều này giúp phân định trách nhiệm giữa HĐQT và ĐHĐCĐ, tạo sự minh bạch trong các giao dịch [7, điều 167]. Đối với công ty đại chúng, Điều 31 Luật Chứng khoán 2019 yêu cầu công ty phải công bố thông tin bắt buộc về các giao dịch với bên liên quan có giá trị lớn giúp cổ đông và nhà đầu tư giám sát và đánh giá các giao dịch với bên liên quan kịp thời, nâng cao tính minh bạch. Thông tư 96/2020/TT-BTC cũng quy định chi tiết về thời hạn và hình thức công bố. Ngoài ra, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán quy định mức phạt từ 100 đến 400 triệu đồng đối với hành vi không công bố hoặc công bố sai lệch về giao dịch này. Những quy định này tiệm cận với chuẩn mực của OECD (2023), trong đó nhấn mạnh việc đảm bảo phê chuẩn độc lập và công khai giao dịch [5]. Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả của các quy định này cần hoàn thiện các cơ chế kiểm soát, nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin và siết chặt chế tài xử phạt. Việc hoàn thiện pháp lý, định giá độc lập và tăng quyền giám sát của cổ đông nhỏ là những bước cần thiết để ngăn ngừa xung đột lợi ích và bảo vệ công bằng trong quản trị công ty cổ phần.

2.1.8. Quy định về nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý

Pháp luật Việt Nam đã quy định rõ ràng nghĩa vụ của thành viên HĐQT, BKS, GD/TGD và các cán bộ quản lý khác. Theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp, những người này có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành, luôn vì lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông. Cụ thể: Nghĩa vụ trung thực yêu cầu người quản lý không được lợi dụng chức vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân; Nghĩa vụ cẩn trọng đòi hỏi người quản lý phải hành động theo tiêu chuẩn nghề nghiệp hợp lý, đảm bảo sự an toàn và hiệu quả trong mọi quyết định; Nghĩa vụ trung thành yêu cầu người quản lý phải đặt lợi ích của công ty lên trên lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của bên liên quan. Đây là những nội dung quan trọng nhằm gắn kết trách nhiệm cá nhân với hiệu quả quản trị, đồng thời phù hợp với nguyên tắc OECD (2023) về trách nhiệm giải trình và minh bạch trong quản trị công ty [5]. Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán 2019 quy định các chế tài xử lý đối với các vi phạm của người quản lý. Họ có thể bị yêu cầu bồi thường thiệt hại cho công ty, bị cổ đông khởi kiện trách nhiệm dân sự hoặc bị

miễn nhiệm, cách chức. Ngoài ra, Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định mức phạt hành chính lên đến hàng tỷ đồng đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm công bố thông tin sai lệch, giao dịch nội gián hoặc thao túng thị trường. Tuy nhiên, trong thực tế, số vụ kiện trách nhiệm dân sự đối với các thành viên HĐQT, GĐ/TGĐ vẫn còn rất ít, chủ yếu dừng lại ở mức xử phạt hành chính. Điều này phản ánh một khoảng cách lớn giữa quy định và thực tiễn thi hành. Qua phân tích thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam về quản trị công ty cổ phần, có thể nhận thấy hệ thống pháp lý hiện hành đã xây dựng được một khung pháp lý khá đầy đủ. Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán 2019 đã có những cải tiến đáng kể, gần gũi hơn với các nguyên tắc quản trị công ty quốc tế của OECD (2023), đặc biệt trong việc bảo vệ cổ đông thiểu số, tăng cường minh bạch và thiết lập cơ chế giám sát độc lập. Tuy nhiên, các quy định hiện tại vẫn còn tồn tại một số hạn chế về tính khả thi và hiệu quả thực thi. Vì vậy, có thể khẳng định rằng mặc dù pháp luật Việt Nam về quản trị công ty cổ phần đã có những bước tiến quan trọng nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững trong tương lai.

2.2. Một số giải pháp khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về quản trị trong công ty cổ phần

Hệ thống pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam đã có nhiều cải tiến qua các văn bản pháp lý như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế và bất cập cần được sửa đổi để nâng cao tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi cổ đông và giảm thiểu xung đột lợi ích. Các giải pháp cụ thể bao gồm:

2.2.1. Hoàn thiện pháp luật về quyền của cổ đông và cơ chế bảo vệ cổ đông

Luật cần quy định rõ ràng hơn về quyền tiếp cận thông tin của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số. Luật hiện hành chỉ quy định mang tính định khung, chưa cụ thể về phạm vi thông tin cổ đông có quyền yêu cầu. Cần sửa đổi để quy định chi tiết hơn về các loại tài liệu cổ đông có quyền yêu cầu xem như báo cáo tài chính, hợp đồng lớn, nghị quyết HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ. Đồng thời, cần quy định rõ thời hạn cung cấp thông tin và chế tài nếu công ty trì hoãn hoặc từ chối cung cấp thông tin, bổ sung quy định bắt buộc công ty công khai các tài liệu quan trọng của ĐHĐCĐ trên website của công ty và đối với công ty niêm yết, trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán. Thiết lập cơ chế khiếu nại nhanh cho cổ đông khi quyền của họ bị vi phạm, chẳng hạn như việc từ chối quyền tham gia ĐHĐCĐ hoặc yêu cầu cung cấp thông tin. HĐQT phải có trách nhiệm trả lời trong một thời gian nhất định; nếu không, cổ đông có thể khiếu nại trực tiếp đến cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngoài ra, bổ sung cơ chế cho phép cổ đông khởi kiện thay mặt công ty khi quyền lợi của công ty bị xâm phạm, ngay cả khi cổ đông không bị thiệt hại trực tiếp.

2.2.2. Hoàn thiện pháp luật về Đại hội đồng cổ đông

Cần quy định rõ thời gian và hình thức công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ, buộc công ty phải công khai chương trình nghị sự và tài liệu liên quan ít nhất 21 ngày trước khi tổ chức họp. quy định rõ hơn về nghĩa vụ của HĐQT trong việc đưa kiến nghị hợp pháp của cổ đông vào chương trình họp. Cần hoàn thiện cơ chế họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, đảm bảo tính minh bạch và an toàn dữ liệu. đồng thời, để ngăn ngừa việc cổ đông chi phối quá mức có thể nâng tỷ lệ biểu quyết đối với các quyết định quan trọng (như sáp nhập, chia tách, chuyển đổi loại hình) lên mức cao hơn, ví dụ 75%. Đồng thời, có quy định về trách nhiệm của HĐQT và GĐ/TGĐ trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ và chế tài xử lý nếu không thực hiện hoặc cố tình trì hoãn.

2.2.3. Hoàn thiện pháp luật về Hội đồng quản trị

Pháp luật cần quy định rõ về tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập, tránh tình trạng “độc lập hình thức”. HĐQT phải đại diện cho lợi ích chung của công ty và cổ đông, không chỉ phục vụ lợi ích của cổ đông lớn. Có quy định rõ ràng hơn về nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trung thành của thành viên HĐQT, quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty nếu vi phạm nghĩa vụ. Ngoài ra, cần có quy định rõ về việc thành lập các ủy ban chuyên trách như Ủy ban lương thưởng, Ủy ban rủi ro, bên cạnh Ủy ban kiểm toán. Các ủy ban này phải có thành viên độc lập tham gia. Đồng thời phân định rõ ràng chức năng giữa Chủ tịch HĐQT và GĐ/TGĐ, chỉ cho phép kiêm nhiệm trong trường hợp đặc biệt và phải được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

2.2.4. Hoàn thiện pháp luật về Giám đốc/Tổng giám đốc

Luật Doanh nghiệp nên bổ sung thêm các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, đạo đức nghề nghiệp để đảm bảo việc bổ nhiệm không dựa trên mối quan hệ gia đình hay lợi ích của cổ đông lớn. Quy định rõ các nghĩa vụ của GD/TGD, đặc biệt là trong việc không lợi dụng chức vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân và không ký kết giao dịch với bên liên quan nếu không được HĐQT phê duyệt. Đồng thời, quy định rõ danh mục các quyết định mà GD/TGD không được tự ý thông qua mà phải có sự phê duyệt của HĐQT.

2.2.5. Hoàn thiện pháp luật về BKS và Ủy ban kiểm toán

Tính độc lập của thành viên trong BKS và Ủy ban kiểm toán cần phải quy định rõ hơn và họ phải có kiến thức chuyên môn và không có mối quan hệ lợi ích với công ty hoặc cổ đông lớn. Quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của BKS và Ủy ban kiểm toán trong việc yêu cầu cung cấp tài liệu và tham dự các cuộc họp quan trọng của HĐQT và ĐHĐCĐ. Ngoài ra, quy định chế tài đối với thành viên BKS hoặc Ủy ban kiểm toán nếu không phát hiện hoặc bỏ qua các sai phạm gây thiệt hại cho cổ đông.

2.2.6. Hoàn thiện pháp luật về công bố thông tin và minh bạch về giao dịch với bên liên quan và kiểm soát xung đột lợi ích

Cần bổ sung thêm việc công bố các thông tin phi tài chính như chiến lược phát triển bền vững và các yếu tố môi trường - xã hội - quản trị (ESG). Đưa ra quy định khuyến khích hoặc yêu cầu các công ty áp dụng báo cáo điện tử, họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử để tăng cường tính minh bạch. Các giao dịch có giá trị lớn hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt và người có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết. Công ty phải công khai tất cả giao dịch với bên liên quan, bao gồm đối tượng, giá trị và điều kiện. Ngoài ra, pháp luật về trách nhiệm của người quản lý và chế tài xử lý vi phạm cần quy định chi tiết về nghĩa vụ trung thực và cẩn trọng của người quản lý, đồng thời trao quyền cho cổ đông nhỏ được khởi kiện thay mặt công ty và tăng cường các biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm của người quản lý, bao gồm cả hình thức xử lý hình sự nếu vi phạm nghiêm trọng. Các giải pháp này nhằm xây dựng một hệ thống pháp luật quản trị công ty cổ phần hoàn thiện, nâng cao tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam.

3. Kết luận

Pháp luật về quản trị công ty cổ phần tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, đặc biệt trong việc tiệm cận các chuẩn mực quốc tế của OECD. Các quy định đã giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị công ty, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cổ đông. Tuy nhiên, các quy định hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế về tính khả thi và hiệu quả thực thi. Cơ chế giám sát và bảo vệ quyền lợi cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, vẫn chưa thực sự hiệu quả. Việc cung cấp thông tin cho cổ đông chưa minh bạch và kịp thời và các thủ tục pháp lý để thực thi quyền cổ đông còn phức tạp. Bên cạnh đó, sự phân biệt giữa công ty đại chúng và công ty phi đại chúng trong các quy định quản trị vẫn chưa rõ ràng, dẫn đến sự thiếu đồng đều trong việc áp dụng chuẩn mực quản trị. Để khắc phục những vấn đề này, việc hoàn thiện các quy định về quyền cổ đông, công khai thông tin, giám sát nội bộ và bảo vệ quyền lợi cổ đông thiểu số là rất cần thiết. Các quy định mới cần có cơ chế thực thi rõ ràng, mạnh mẽ, tạo điều kiện cho cổ đông tham gia giám sát và đảm bảo sự phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài chính (2020). *Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*.
- [2] Chính phủ (2020), *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán*
- [3] Hoàng Văn Hải và Đinh Văn Toàn (2020). *Quản trị công ty*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Lê Minh Toàn (2015). *Pháp luật về quản trị công ty đại chúng ở Việt Nam theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tháng 5.
- [5] OECD (2023). *G20/OECD Principles of Corporate Governance 2023*. OECD Publishing, Paris.
- [6] Quốc hội (2019). *Luật Chứng khoán*. Luật số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019.
- [7] Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp*. Luật số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020.
- [8] Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp*. Luật số 76/2025/QH15, ngày 17/6/2025.
- [9] Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC (2019), *Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất Dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam*. Nguồn: <https://www.ssc.gov.vn/>, ngày 13/8/2019.